

Số: 31/BC-THCS TX

Nguyệt Viên, ngày 08 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025- 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THCS Tào Xuyên báo cáo nội dung công khai như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Tào Xuyên.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

a) Địa chỉ trụ sở:

- Điểm chính: Phố 3, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa.

- Điểm lẻ: Phường Đình 1, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa.

b) Điện thoại: 0917397555

c) Hộp thư điện tử: thcstaoxuyen.nguyetvien@thanhhoa.edu.vn

d) Cổng thông tin điện tử: <https://thcstaoxuyen.thanhphothanhhoa.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

a) Loại hình của cơ sở giáo dục: Cơ sở giáo dục công lập bậc THCS.

b) Tổ chức quản lý trực tiếp: UBND phường Nguyệt Viên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a) Sứ mệnh

Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, an toàn, thân thiện và hạnh phúc; tạo điều kiện để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, phát huy tối đa khả năng của bản thân, trở thành công dân có trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội.

b) Tầm nhìn

Trường THCS Tào Xuyên phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục có chất lượng cao của địa phương; là môi trường học tập hiện đại, thân thiện, tích cực; tiên phong trong đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo vào quản lý và giảng dạy; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Nhà trường định hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất học sinh, phát huy tối đa tiềm năng cá nhân, trang bị tri thức, kỹ năng và năng lực hội nhập,

đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Đến năm 2030, Trường THCS Tào Xuyên hướng tới mục tiêu:

+ Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, tích cực đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong dạy học.

+ Đẩy mạnh chuyên đổi số, xây dựng kho học liệu số, khai thác hiệu quả thiết bị dạy học hiện đại và ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng đồng bộ, hiện đại; xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; từng bước xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, văn minh và hội nhập.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Tào Xuyên được thành lập trên cơ sở chia tách và sáp nhập trường TH&THCS Tào Xuyên với trường THCS Hoàng Lý theo Quyết định số 8333/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND TP Thanh Hóa.

Trường THCS Tào Xuyên có tổng diện tích 12.000m², gồm 2 điểm trường: Điểm chính có diện tích 5 000 m² ở phố 3, phường Nguyệt Viên; Điểm lẻ: có diện tích 7 000 m² ở phố Phương Đình 1, phường Nguyệt Viên.

Sau hơn 5 năm xây dựng và phát triển trường THCS Tào Xuyên đã từng bước lớn mạnh về quy mô và chất lượng giáo dục. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự đồng hành của cha mẹ học sinh và sự nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Trường THCS Tào Xuyên đã từng bước khẳng định vị thế là một trong những trường THCS có chất lượng giáo dục tốt của địa phương. Quy mô trường lớp không ngừng được mở rộng, chất lượng giáo dục của Nhà trường ngày càng ổn định và nâng cao. Nhà trường luôn quyết tâm thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW khóa XI về đổi mới căn bản và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư khang trang, đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại, phục vụ hiệu quả các hoạt động dạy và học.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT và chuyên đổi số trong giảng dạy.

Nhà trường chú trọng các hoạt động giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Nhiều năm liền, học sinh của trường đạt thành tích cao trong các kỳ thi HSG các cấp, thi vào

lớp 10 THPT và các hoạt động văn hóa, thể thao.

Với phương châm "Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm", Trường THCS Tào Xuyên đang không ngừng nỗ lực đổi mới, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, từng bước khẳng định vị thế là một trong những trường THCS có chất lượng giáo dục tốt trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

Tháng 6/2025 trường THCS Tào Xuyên tiếp tục được công nhận Trường Chuẩn quốc gia mức độ 1. Đây là kết quả cho sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của BGH nhà trường, sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, sự phối hợp của phụ huynh và cố gắng của các em học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Vũ Tiến Dũng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Phố 3- phường Nguyệt Viên- Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: 0917397555
- Địa chỉ thư điện tử: tiendung555@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 8333/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND TP Thanh Hóa.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định công nhận Hội đồng trường, trường THCS Tào Xuyên nhiệm kỳ 2021-2026 số 3268/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 05 năm 2021 của UBND thành phố Thanh Hoá.

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường, trường THCS Tào Xuyên nhiệm kỳ 2021-2026 số 8219/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Thanh Hoá.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Hiệu trưởng số 584/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 08 năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Nguyệt Viên.

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng số 916/QĐ-UBND, 09 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Nguyệt Viên.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Nhà trường hoạt động theo Điều lệ trường THCS, THPT, THPT có nhiều cấp học được ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 09 năm 2020 và Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức bộ máy của nhà trường:

+ Chi bộ: Nhà trường có chi bộ độc lập, trực thuộc Đảng bộ phường Nguyệt Viên với 28 đảng viên.

+ Ban Giám hiệu: Có 03 thành viên, gồm Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.

+ Tổ chuyên môn KHTN: Có 11 thành viên.

+ Tổ chuyên môn KHXX: Có 10 thành viên

+ Tổ Ngoại ngữ-GDTC-Nghệ thuật: Có 10 thành viên

+ Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội: Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, hội đặc thù theo quy định của pháp luật. Gồm: Chi đoàn, liên đội, chi hội Chữ thập đỏ, chi hội Khuyến học, tổ tư vấn, ...

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Quyết định số 8333/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND TP Thanh Hóa.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo, thành viên nhà trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại
1	Vũ Tiến Dũng	Hiệu trưởng	0917397555
2	Nguyễn Thị Phúc	Phó hiệu trưởng	0919640826
3	Đỗ Thị Dung	Phó hiệu trưởng	0977586656

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

a) Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục giai đoạn 2020-2025 số 01/KHCL-THCSTX, ngày 22 tháng 10 năm 2020; Quy chế dân chủ ở cơ sở năm học 2024-2025 số 119b/QĐ-THCSTX, ngày 02 tháng 10 năm 2024;

b) Trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản của Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Thanh Hóa, cơ quan quản lý giáo dục cấp trên và các quy định nội bộ về quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

Nhà trường ban hành đầy đủ các kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp

và các văn bản quản lý khác theo quy định; thực hiện công khai, minh bạch trong mọi hoạt động, bảo đảm quyền được biết, được giám sát của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm và phát triển bền vững (niêm yết trên bảng tin công khai nhà trường, loa truyền thanh phường, ... theo quy định).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Tăng (+), giảm (-)
I.	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm	34	34	0
1	CBQL	3	3	0
-	Hiệu trưởng	1	1	0
-	Phó hiệu trưởng	2	2	0
2	Giáo viên	29	29	+
-	Biên chế, HĐ KXD thời hạn	23	23	0
-	Hợp đồng theo NĐ111	1	6	+5
-	Hợp đồng trường (<12 tháng)	6	2	-4
3	Nhân viên	2	2	0
-	Biên chế, HĐ KXD thời hạn	2	2	0
-	Hợp đồng theo NĐ111	0	0	0
-	Hợp đồng trường (<12 tháng)	0	0	0
II.	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo trình độ được đào tạo	34	34	0
1	Thạc sỹ	2	1	-1
2	Đại học	31	32	+ 1
3	Cao đẳng	1	1	0
4	Trung cấp	0	0	0
III.	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.	32	32	0
1	Chuẩn Hiệu trưởng	3	3	0
-	Tốt	3	3	0
-	Khá	0	0	0

-	Đạt	0	0	0
-	Chưa đạt	0	0	0
2	Chuẩn Giáo viên	29	29	0
-	Tốt	29	28	-1
-	Khá	0	01	+1
-	Đạt	0	0	0
-	Chưa đạt	0	0	0
IV.	Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định	32	32	0
1	CBQL	3	3	0
-	Số lượng tham gia	3	3	0
-	Tỷ lệ %	100	100	0
2	Giáo viên	29	29	0
-	Số lượng tham gia	29	29	0
-	Tỷ lệ %	100	100	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học bộ môn	8	-
4	Số phòng học đa chức năng (Có phương tiện nghe nhìn)	0	-
5	Bình quân lớp/phòng học	1	-
6	Bình quân học sinh/lớp	36,56	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	12500 m ²	21,54 m ² /hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7000 m ²	12,5 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng (m²)		-
1	Diện tích phòng học	70 m ²	1,91
2	Diện tích phòng học bộ môn	70 m ²	1,91

3	Diện tích thư viện	50 m ²	1,43
4	Diện tích nhà tập đa năng	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống	12 + 50 = 62 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính:bộ)	49	12 HS/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị đang dùng		Số thiết bị/lớp
1	Tivi	16	1 tivi/1 lớp
2	Tivi tương tác	2	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XII	Nhà vệ sinh	Đạt	Chưa đạt
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x	

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thực hiện tự đánh giá:

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện các văn bản:

- Thành lập Hội đồng KĐCLGD: Ngày 03/02/2025
- Xây dựng kế hoạch KĐCLGD: Ngày 03/02/2025
- Tập huấn nghiệp vụ TĐG: Ngày 17/02/2025
- Thu thập, phân tích, xử lý các minh chứng: Từ ngày 03/03/2025 đến ngày

27/04/2025.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: Từ ngày 28/04/2025 đến ngày 11/05/2025.

- Viết báo cáo TĐG, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo: Từ ngày 12/05/2025 đến ngày 31/05/2025

- Công bố báo cáo TĐG: Ngày 08/06/2025

2. Trường đã được Sở giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa công nhận “Đạt chuẩn quốc gia” mức độ 1 vào tháng 6/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	585	132	151	187	115
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	94.53%	97.73%	98.01%	91.44%	91.30%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	4.96%	0.76%	1.32%	8.56%	8.70%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.51%	1.52%	0.66%	0.00%	0.00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	585	132	151	187	115
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	34.87%	35.61%	30.46%	35.83%	38.26%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	38.97%	38.64%	45.70%	36.36%	34.78%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	24.44%	25.00%	22.52%	25.67%	24.35%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	1.71%	0.76%	1.32%	2.14%	2.61%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	585	132	151	187	115
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.29%	99.24%	98.68%	97.86%	97.39%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	5.64%	3.79%	5.30%	6.95%	6.09%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	29.23%	31.82%	25.17%	28.88%	32.17%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.71%	0.76%	1.32%	2.14%	2.61%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1.71%	0.76%	1.32%	2.14%	2.61%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.51%	0.00%	1.99%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	3	0	0	0	3
1	Cấp tỉnh/ thành phố	3	0	0	0	3

2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	112	0	0	0	112
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	112	0	0	0	112
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
VIII	Số học sinh nữ	272	60	71	94	47
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	2	2	2	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Bảng 6.1. Tổng hợp tình hình thu - chi tài chính năm 2025

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	CÁC KHOẢN THU			
I	Ngân sách nhà nước cấp			
1	Kinh phí chi thường xuyên	6.478.320.090		
2	Kinh phí không thường xuyên	1.013.253.000		
II	Thu từ học phí	330.060.000		
III	Thu từ các khoản dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục	137.819.000		
IV	Thu từ tài trợ, viện trợ, xã hội hóa			
V	Các khoản thu hợp pháp khác			
	Tổng thu	7.959.452.090	100	
B	CÁC KHOẢN CHI			
I	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	7.230.702.090		
II	Chi hoạt động chuyên môn	145.417.000		
III	Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị			
IV	Chi điện, nước, internet và dịch vụ	355.565.000		
V	Chi khen thưởng, hỗ trợ học sinh			
VI	Các khoản chi khác	227.768.000		
	Tổng chi	7.959.452.090	100	

Bảng 6.2. Các khoản thu của học sinh

TT	Nội dung thu	Mức thu (đồng)	Đối tượng áp dụng	Căn cứ thực hiện
1	Học phí	HKII năm học 2024-2025: 120.000 đồng/tháng/hs	Học sinh	số 6325/HD-UBND ngày 17/09/2024 Công văn số 3279/SGDĐT-

		HKI năm học 2025-2026: 160.000 đồng/tháng/hs		KHTC ngày 09/9/2025
2	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	52.650 đồng/hs/tháng	Học sinh	số 1599/BHXXH-QLTST ngày 16/8/2024; số 152/BHXXH-QLT ngày 18/8/2025
3	Bảo hiểm thân thể (nếu có)	Không		
4	Trông giữ phương tiện GT	20.000 đồng/hs/tháng	Học sinh	số 6325/HD-UBND ngày 17/09/2024 Công văn số 3279/SGDDĐT-KHTC ngày 09/9/2025
5	Sổ liên lạc điện tử	50.000 đồng/hs/năm	Học sinh	số 6325/HD-UBND ngày 17/09/2024 Công văn số 3279/SGDDĐT-KHTC ngày 09/9/2025
6	Nước uống học sinh	63.000 đồng/hs/năm	Học sinh	số 6325/HD-UBND ngày 17/09/2024 Công văn số 3279/SGDDĐT-KHTC ngày 09/9/2025
7	Giấy thi, kiểm tra	K 6,7: 80.000đ/hs/năm K 8,9: 81.000đ/hs/năm	Học sinh	
8	Dạy học 2 buổi/ngày (nếu có)	Không		
9	Các khoản thu hợp pháp khác	Không		

Bảng 6.3. Chính sách hỗ trợ người học

TT	Nội dung	Số học sinh	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
1	Miễn học phí	HKII năm học 2024-2025: 03 hs	1.800.000	
		HKI năm học 2025-2026: 02hs	1.280.000	

2	Giảm học phí	HKII năm học 2024-2025: 11 hs HKI năm học 2025-2026: 07hs	3.300.000 2.240.000	
3	Hỗ trợ chi phí học tập	HKII năm học 2024-2025: 03 hs HKI năm học 2025-2026: 02hs	2.250.000 1.200.000	
4	Học bổng	Không		
5	Khen thưởng học sinh	Không		
	Tổng cộng		12.070.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Trong năm học 2025-2026, nhà trường triển khai nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, phát huy tính chủ động, sáng tạo của giáo viên và học sinh.

Các tổ chuyên môn tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu bài học, dạy học tích hợp và giáo dục địa phương. Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Dữ liệu học sinh, cán bộ, giáo viên được cập nhật đầy đủ trên cơ sở dữ liệu ngành; các phần mềm quản lý trường học, hồ sơ điện tử và chữ ký số được khai thác hiệu quả trong công tác quản lý.

100% phòng học được trang bị tivi kết nối Internet phục vụ giảng dạy; giáo viên tích cực sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, bản đồ số, video trực quan và các phần mềm hỗ trợ dạy học. Nhà trường từng bước xây dựng kho học liệu số dùng chung, khuyến khích giáo viên chia sẻ học liệu, sáng kiến và kinh nghiệm giảng dạy trên môi trường số.

Bên cạnh đó, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, bảo đảm an toàn thông tin và từng bước triển khai học bạ số theo lộ trình của ngành Giáo dục.

3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và quản lý

Trong năm học 2025-2026, nhà trường khuyến khích giáo viên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, thiết kế

câu hỏi kiểm tra, biên soạn đề đánh giá và tổ chức các hoạt động học tập. Nhiều giáo viên đã khai thác hiệu quả các công cụ AI để tạo hình ảnh, video minh họa, xây dựng học liệu số và thiết kế các hoạt động học tập trực quan, góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh.

Việc ứng dụng AI được triển khai theo hướng phù hợp, có chọn lọc, bảo đảm tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, bản quyền và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống

Nhà trường tiếp tục triển khai giáo dục STEM thông qua các môn học và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Giáo viên tích cực tổ chức các bài học gắn với thực tiễn, khuyến khích học sinh vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức đa dạng như sinh hoạt chuyên đề, hoạt động ngoại khóa, văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe học đường.

Thông qua các hoạt động này, học sinh được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, giải quyết vấn đề, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia

Nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tự đánh giá, cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các minh chứng được cập nhật đầy đủ, hồ sơ quản lý được lưu trữ khoa học, phục vụ tốt công tác kiểm định chất lượng.

Trong năm học, nhà trường tiếp tục duy trì danh hiệu Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.

6. Công tác truyền thông và phối hợp với cha mẹ học sinh

Nhà trường thực hiện tốt công tác truyền thông, thường xuyên cập nhật các hoạt động giáo dục trên website, fanpage và các kênh thông tin chính thức của nhà trường. Thông tin được đăng tải kịp thời, chính xác, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của nhà trường trong cộng đồng.

Sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh tiếp tục được tăng cường thông qua các cuộc họp phụ huynh, nhóm Zalo lớp, sổ liên lạc điện tử và các hoạt

động phối hợp giáo dục. Qua đó, tạo sự đồng thuận giữa gia đình và nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh.

7. Công tác thi đua, khen thưởng

Các phong trào thi đua được triển khai sâu rộng, gắn với nhiệm vụ chuyên môn và các cuộc vận động của ngành Giáo dục. Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác đăng ký, bình xét và khen thưởng, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan.

Năm học 2025-2026, tập thể nhà trường được đề nghị UBND tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên được đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua; nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục khác, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và khẳng định vị thế của nhà trường.

8. Đánh giá chung

Năm học 2025-2026, Trường THCS Tào Xuyên đã hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra. Nhà trường tiếp tục khẳng định chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, giảng dạy; phát huy hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM và giáo dục kỹ năng sống.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục mũi nhọn, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Nơi nhận:

- UBND phường (để b/cáo)
- Phòng VH-XH
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Tiến Dũng